KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	9,730 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.3%	21.1%	25.1%

DT thuần

2024

394 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 143
▲ 56.9%

LN gộp

2024

64.1 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 21.0
▲ 48.5%

LN thuần

2024

38.2 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 24.8
▲ 184%

LN sau thuế

2024

30.6 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 19.5
▲ 176%

ROE

2024

5.8%

+/- YoY
▲ 3.5%

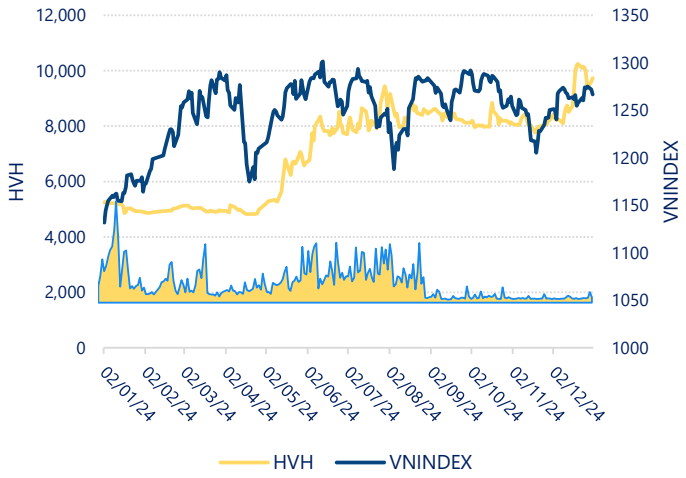
ROA

2024

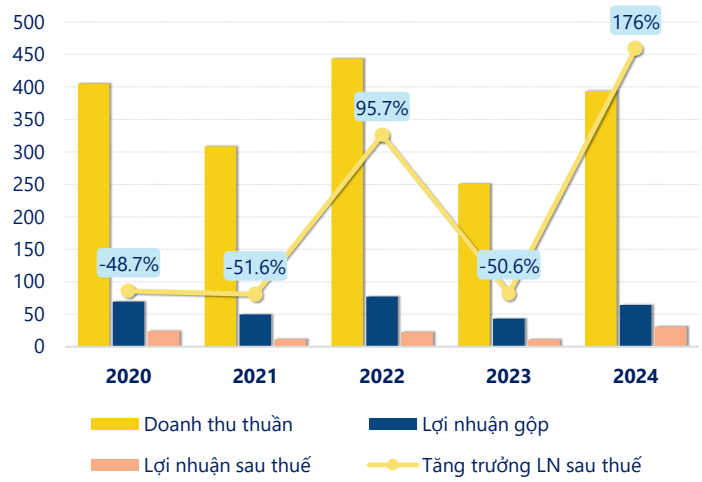
4.5%

+/- YoY
▲ 2.8%

Lịch sử giá

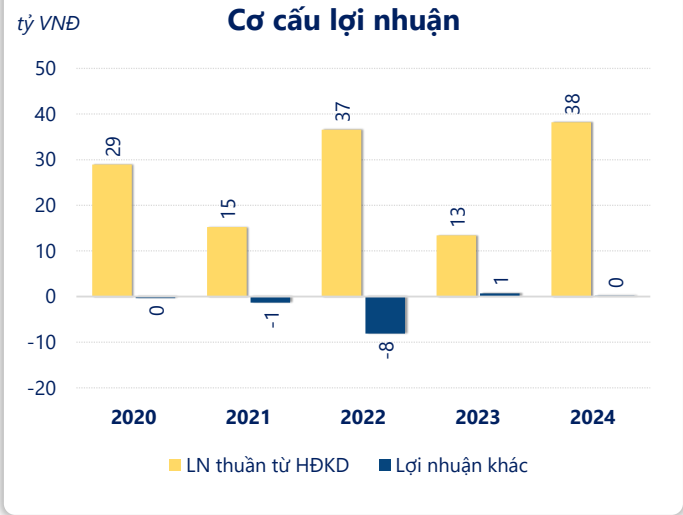


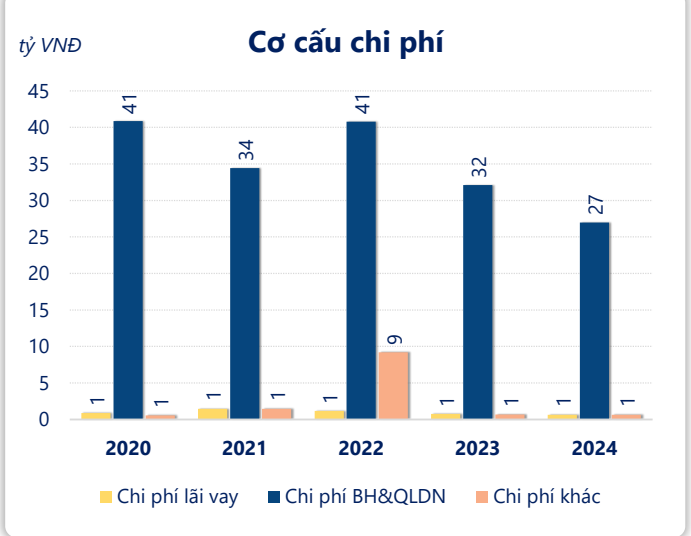
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **HVH** ghi nhận doanh thu thuần **393.6** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **30.56** tỷ đồng, lần lượt **tăng 56.9%** và **tăng 176%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **5.81%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

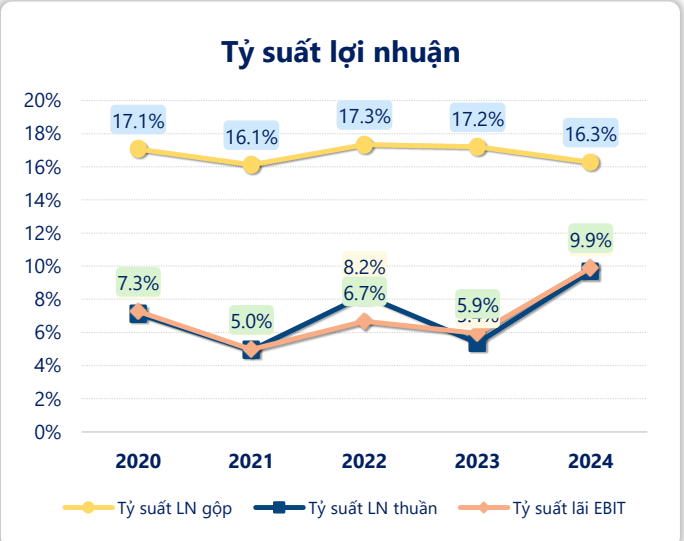


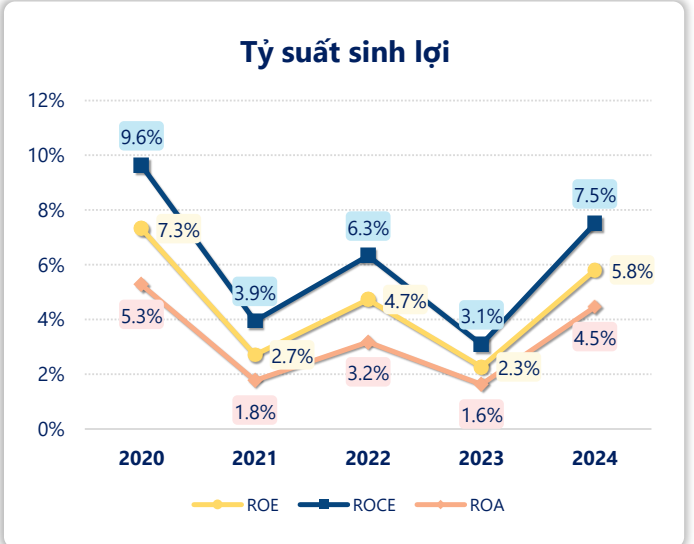


Năm **2024**, **HVH** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **38.19** tỷ đồng, **tăng lên 24.75** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (26.47 tỷ đồng) là 11.73 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

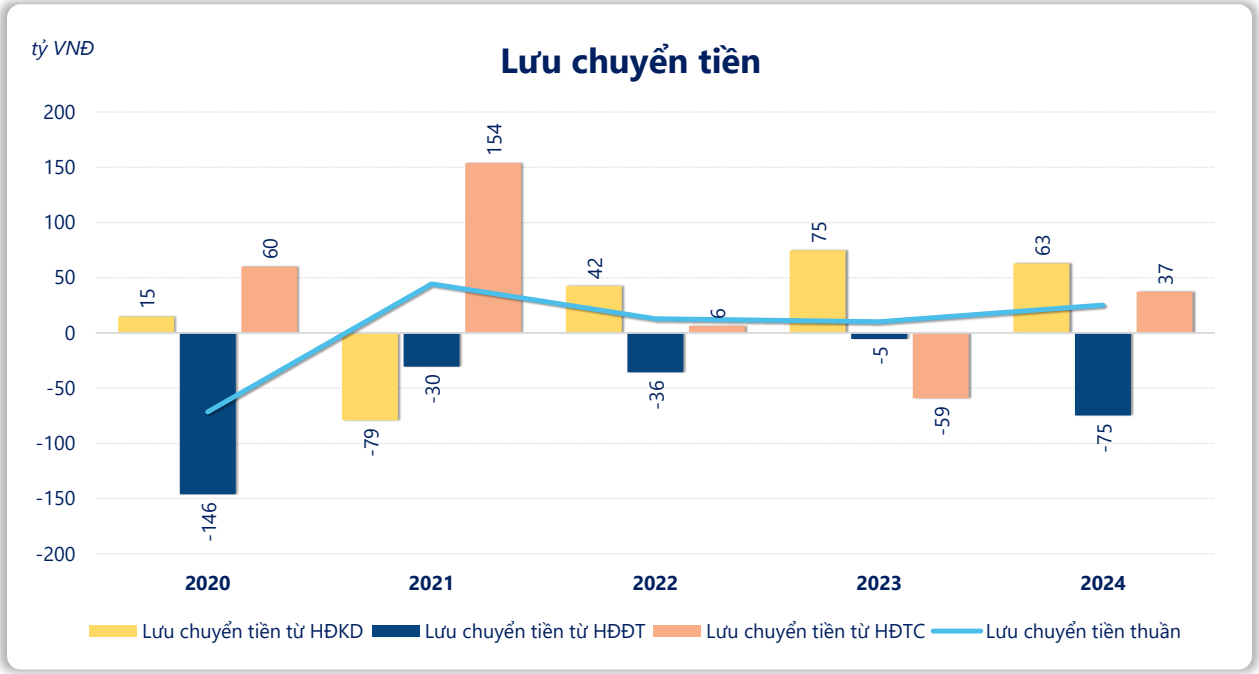
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.64** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **26.96** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.64** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của HVH năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **5.81%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**405**	**308**	**444**	**251**	**394**
Giá vốn hàng bán	336	259	367	208	330
Lợi nhuận gộp	**69.2**	**49.7**	**76.9**	**43.1**	**64.1**
Doanh thu HĐTC	1.51	1.40	1.65	3.29	1.89
Chi phí TC	0.89	1.48	1.17	0.87	0.76
Chi phí lãi vay	**0.88**	**1.47**	**1.17**	**0.75**	**0.64**
LN trong công ty LKLD	0	0.01	-0.02	-0.03	-0.04
Chi phí bán hàng	6.75	7.19	5.16	1.68	-2.09
Chi phí QLDN	34.1	27.2	35.6	30.4	29.0
LN thuần từ HĐKD	**28.9**	**15.2**	**36.6**	**13.4**	**38.2**
Lợi nhuận khác	-0.34	-1.35	-8.09	0.70	0.17
LN trước thuế	**28.6**	**13.9**	**28.5**	**14.1**	**38.4**
Lợi nhuận sau thuế	**23.7**	**11.5**	**22.5**	**11.1**	**30.6**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.4**	**10.5**	**22.2**	**10.9**	**30.2**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HVH bằng **25.30** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (10.15 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **62.92** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-74.87** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **37.24** tỷ đồng.